

Số: *1266* /NTVcab

Hà Nội, ngày *28* tháng *7* năm 2023

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN
trên BCTC riêng quý 2 năm 2023 của
Tổng công ty thay đổi từ 10% trở lên so
với BCTC cùng kỳ năm trước

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam

Mã chứng khoán: CAB

Địa chỉ: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, P.Giảng Võ, Q.Ba Đình, Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ –SGDHN ngày 29/09/2016 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (VTVcab) giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2023 của VTVcab thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước:

CHỈ TIÊU	Quý 2/2023	Quý 2/2022	Chênh lệch	
			Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % tăng/giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	518.640.126.824	536.641.647.354	(18.001.520.530)	-3%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	140.763.639	7.272.730	133.490.909	1835%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	518.499.363.185	536.634.374.624	(18.135.011.439)	-3%
4. Giá vốn	415.034.595.589	388.861.003.358	26.173.592.231	7%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	103.464.767.596	147.773.371.266	(44.308.603.670)	-30%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.610.190	4.192.054.935	(4.176.444.745)	-100%
7. Chi phí tài chính	5.237.806.139	2.760.863.076	2.476.943.063	90%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	4.900.576.056	3.619.513.815	1.281.062.241	35%
8. Chi phí bán hàng	47.168.941.116	49.777.463.708	(2.608.522.592)	-5%

CHỈ TIÊU	Quý 2/2023	Quý 2/2022	Chênh lệch	
			Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % tăng/giảm
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.774.170.899	79.203.340.440	(29.429.169.541)	-37%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	1.299.459.632	20.223.758.977	(18.924.299.345)	-94%
11. Thu nhập khác	5.622.006.372	17.056.953	5.604.949.419	32860%
12. Chi phí khác	59.300.036	10.693.256	48.606.780	455%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	5.562.706.336	6.363.697	5.556.342.639	87313%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	6.862.165.968	20.230.122.674	(13.367.956.706)	-66%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.366.448.955	3.097.581.511	(1.731.132.556)	-56%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	111.911.897	113.081.868	(1.169.971)	-1%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	5.383.805.116	17.019.459.295	(11.635.654.179)	-68%

Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2023 của VTVcab giảm 68% so với Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2022. Nguyên nhân: tổng doanh thu của VTVcab quý 2/2023 giảm khoảng 3% so với cùng kỳ năm trước, Ngoài ra, VTVcab đã áp dụng các biện pháp để tiết kiệm chi phí, cụ thể chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 37%, chi phí bán hàng giảm 5% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên giá vốn hàng bán tăng 7%, chi phí tài chính tăng 90% dẫn đến tổng lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2023 của VTVcab đã giảm 68% so với cùng kỳ năm 2022.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, TCKT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hoàng Ngọc Huân